



TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

TỈNH BẮC GIANG

Tháng 01 năm 2024

Sản xuất nông nghiệp



21,5 nghìn ha

↓ 0,9 %

DT gieo trồng cây hàng năm

Diện tích gieo trồng một số cây trồng

4,7

nghìn ha

↑ 0,9 %

1,8

nghìn ha

↑ 3,4 %

0,9

nghìn ha

↓ 1,4 %

1,8

nghìn ha

↓ 2,3 %

Ngô

Khoai lang

Lạc

Rau các loại

Số lượng đàn vật nuôi so với cùng kỳ năm trước

↓ 2,3 %



Trâu

↓ 2,7 %



Bò

↑ 0,3 %



Lợn

↑ 2,5 %



Gà

Lâm nghiệp



Trồng rừng



395 ha



↑ 0,8%

Trồng rừng

0,4

triệu cây



↑ 2,3%

Trồng cây phân tán

Khai thác gỗ và lâm sản

72,7

nghìn m³



↑ 4,2%

Gỗ

6

nghìn Ste



↓ 0,1%

Củi

Thủy sản

↑ 1,5 %

3,9 nghìn tấn



Sản lượng
nuôi trồng

↑ 1,2 %

4,2 nghìn tấn



Sản lượng
thủy sản

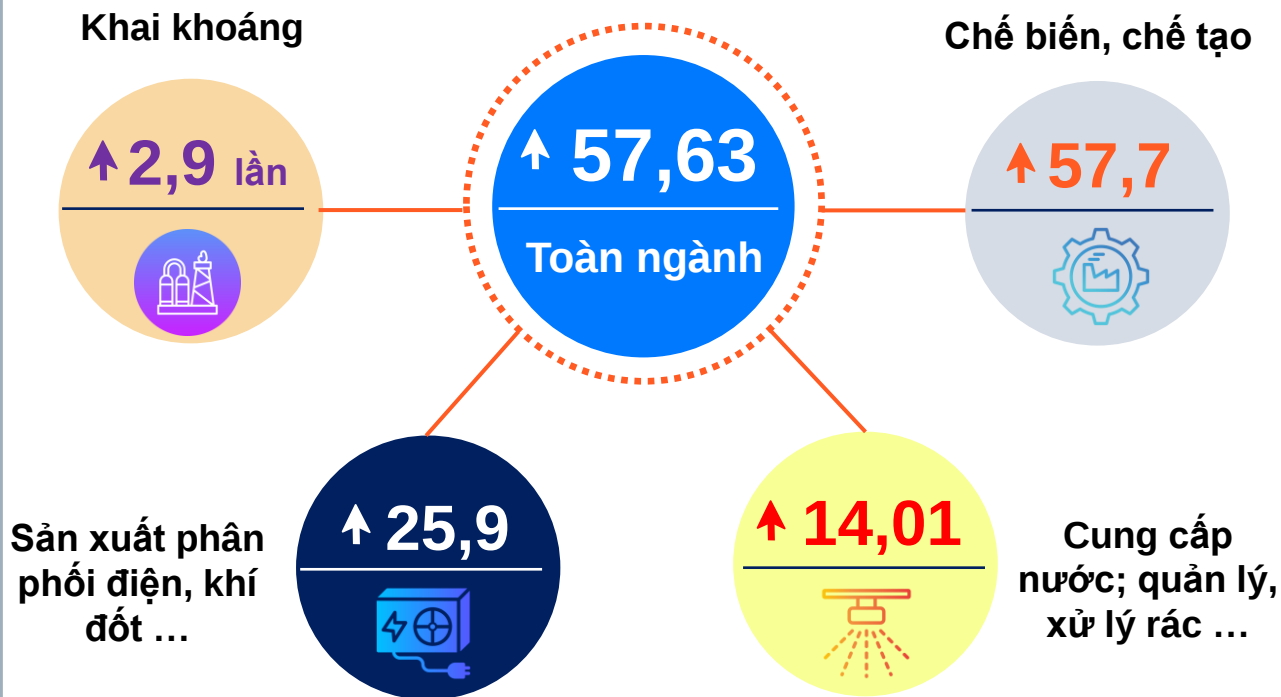
↓ 2,6 %

0,3 nghìn tấn

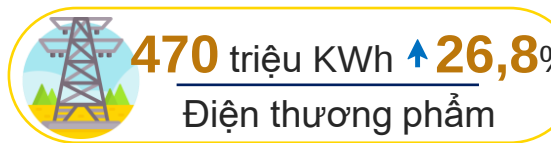
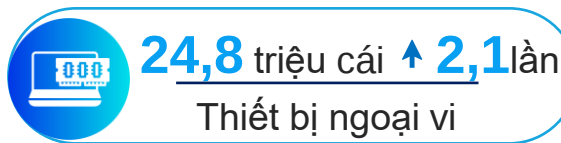
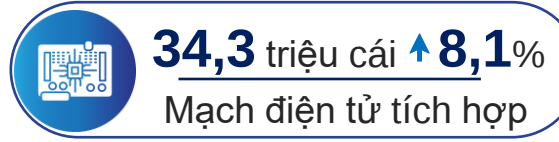
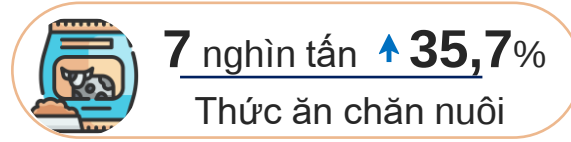
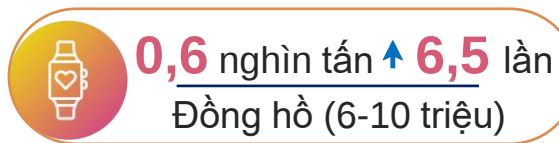
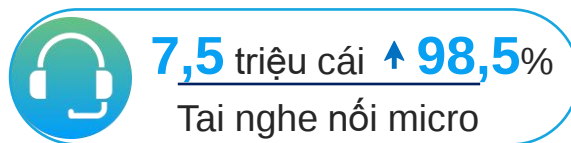
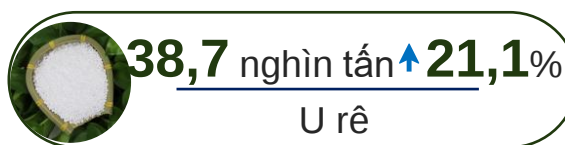
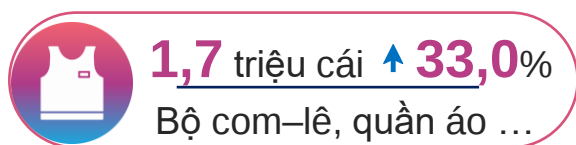


Sản lượng
khai thác

Tốc độ tăng Chỉ số sản xuất công nghiệp so cùng kỳ (%)

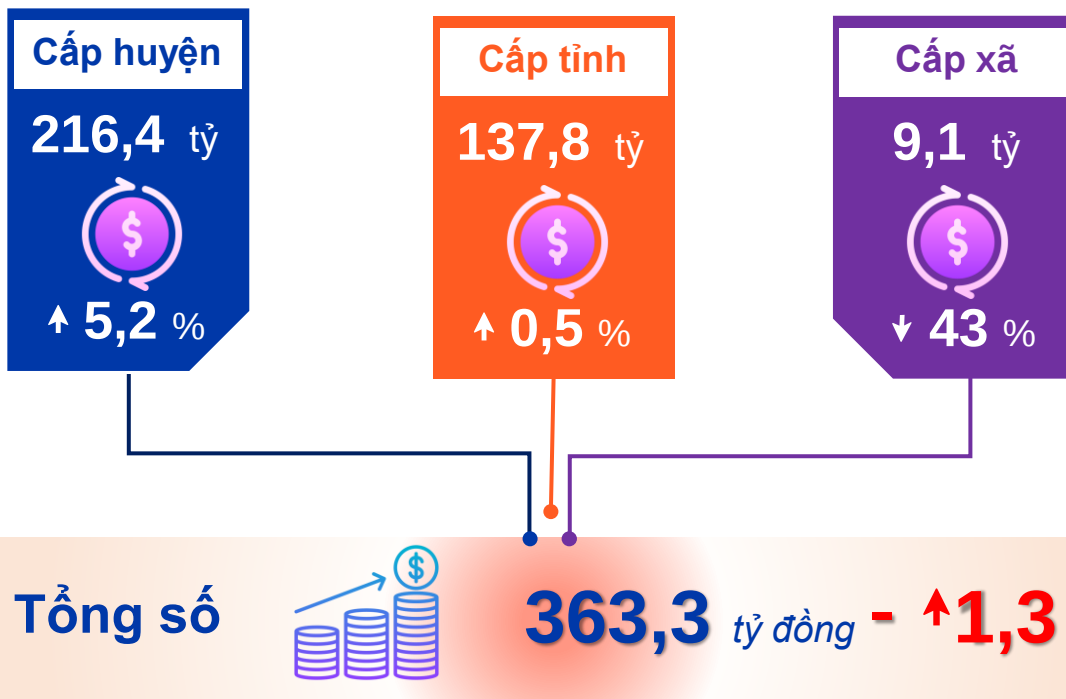


Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu so với cùng kỳ



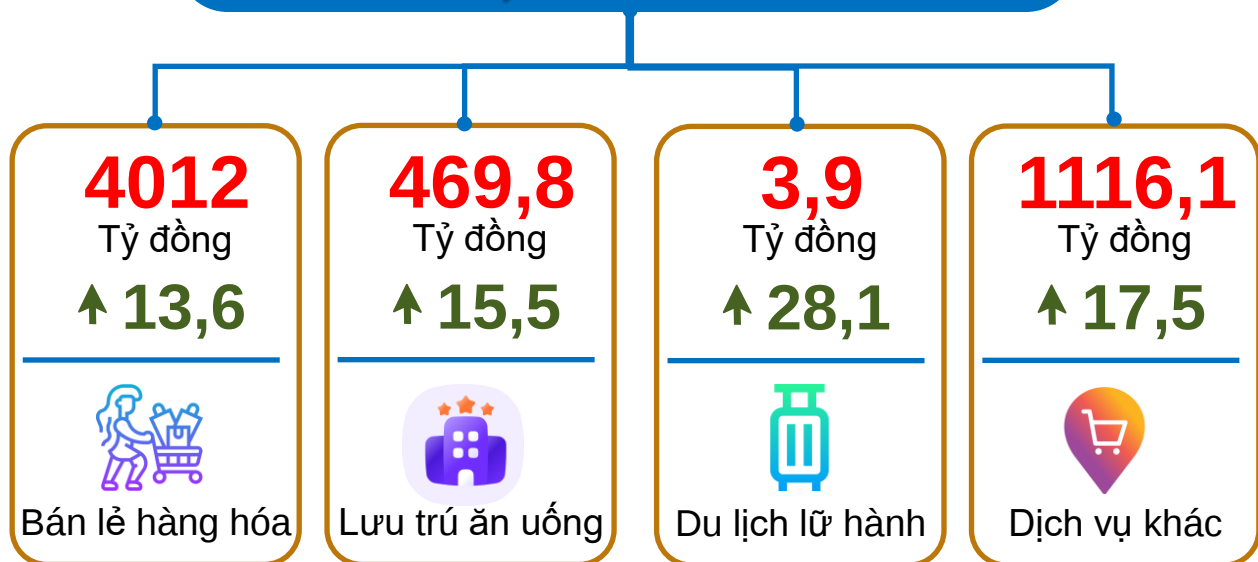
Tháng 01 năm 2024

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách



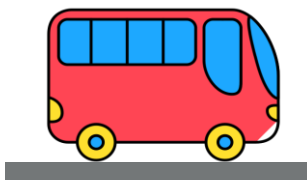
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

TỔNG SỐ 5,6 nghìn tỷ **↑ 13,6 %**



Vận tải hành khách và hàng hóa so với cùng kỳ

Vận tải hành khách



Vận chuyển

4,5 Triệu lượt khách **↑ 9,2 %**

Luân chuyển

195,8 **↑ 11,1 %**
Triệu lượt HK.km

Vận tải hàng hóa



Vận chuyển

8,5 Triệu tấn **↑ 17,9 %**

Luân chuyển

214,5 **↑ 18,4 %**
Triệu tấn.km

Chỉ số giá tiêu dùng CPI

110,59%

CPI so với kỳ
gốc 2019

101,47%



CPI so với
cùng kỳ 2023

101,47%

CPI so với
tháng trước

Tháng 01 năm 2024

Y tế



4860

Giường bệnh



165 nghìn

Lượt khám



108,7 %

Công suất GB

Một số bệnh dịch

180



Tiêu
chảy

524



Sốt
xuất
huyết

120



Thủy
đậu

524



Cúm

33



Viêm
gan

An toàn giao thông

34 vụ



Tai nạn giao
thông

6784

Vụ



Tổng số

2549



Nồng độ
cồn

2256



Quá tốc
độ

Xử lý vi phạm ATGT